

# Vocabulary for the portrait project

## Từ vựng cho dự án chân dung

|                                                 |                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>4B pencil</b><br><i>Bút chì 4B</i>           | <b>a graphite drawing tool that is darker and great for shading</b><br><i>một công cụ vẽ bằng than chì sẫm màu hơn và tuyệt vời để tạo bóng</i>                                                            |
| <b>background</b><br><i>nền</i>                 | <b>the part of an artwork that is far away</b><br><i>phần của tác phẩm nghệ thuật ở xa</i>                                                                                                                 |
| <b>blending</b><br><i>pha trộn</i>              | <b>in drawing: mixing from light to dark greys; in painting: mixing from one colour to another</b><br><i>trong vẽ: pha trộn từ xám nhạt sang xám đậm; trong hội họa: pha trộn từ màu này sang màu khác</i> |
| <b>brainstorming</b><br><i>động não</i>         | <b>coming up with a large number of ideas</b><br><i>đưa ra một số lượng lớn ý tưởng</i>                                                                                                                    |
| <b>composition</b><br><i>bố cục</i>             | <b>the arrangement of things in an artwork</b><br><i>sự sắp xếp các thứ trong một tác phẩm nghệ thuật</i>                                                                                                  |
| <b>contour drawing</b><br><i>vẽ đường viền</i>  | <b>drawing the edges and outlines</b><br><i>vẽ các cạnh và đường viền</i>                                                                                                                                  |
| <b>contrast</b><br><i>độ tương phản</i>         | <b>the difference between the lights and darks</b><br><i>sự khác biệt giữa sáng và tối</i>                                                                                                                 |
| <b>creativity</b><br><i>sáng tạo</i>            | <b>ideas that are useful, unique, and insightful</b><br><i>ý tưởng hữu ích, độc đáo và sâu sắc</i>                                                                                                         |
| <b>detail</b><br><i>chi tiết</i>                | <b>small, important parts of a drawing</b><br><i>các phần nhỏ, quan trọng của một bản vẽ</i>                                                                                                               |
| <b>foreground</b><br><i>tiền cảnh</i>           | <b>the part of an artwork that is biggest and closest</b><br><i>phần của tác phẩm nghệ thuật lớn nhất và gần nhất</i>                                                                                      |
| <b>HB pencil</b><br><i>Bút chì HB</i>           | <b>a graphite drawing tool that makes light lines</b><br><i>một công cụ vẽ bằng than chì tạo ra những đường nét nhẹ</i>                                                                                    |
| <b>layering</b><br><i>lớp</i>                   | <b>adding several small amounts of pencil or paint on top of each other</b><br><i>thêm một số lượng nhỏ bút chì hoặc sơn lên trên nhau</i>                                                                 |
| <b>modelling</b><br><i>mô hình hóa</i>          | <b>making things 3D using blending</b><br><i>làm cho mọi thứ trở nên 3D bằng cách sử dụng pha trộn</i>                                                                                                     |
| <b>reference photos</b><br><i>ảnh tham khảo</i> | <b>photographs you look at carefully so you can make a better artwork</b><br><i>ảnh bạn xem kỹ để có thể tạo ra tác phẩm nghệ thuật đẹp hơn</i>                                                            |
| <b>shading</b><br><i>tô bóng</i>                | <b>drawing with white, black, and greys</b><br><i>vẽ bằng màu trắng, đen và xám</i>                                                                                                                        |
| <b>smoothness</b><br><i>độ mịn</i>              | <b>drawing cleanly, with no bumps</b><br><i>vẽ sạch sẽ, không có chỗ lồi lõm</i>                                                                                                                           |
| <b>texture</b><br><i>kết cấu</i>                | <b>drawing that looks the same as what it feels like</b><br><i>bản vẽ trông giống hệt như cảm giác thực tế</i>                                                                                             |
| <b>web-mapping</b><br><i>web-mapping</i>        | <b>linking together ideas like a spider web</b><br><i>liên kết các ý tưởng lại với nhau như một mạng nhện</i>                                                                                              |